

TRƯƠNG VĨNH KÝ

với việc bảo tồn văn hóa truyền thống

DƯƠNG THU HẰNG

1. Trương Vĩnh Ký (1837-1898) là một nhân vật đặc biệt ở nửa cuối thế kỉ XIX. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được các nhà khoa học trên nhiều lĩnh vực quan tâm nghiên cứu. Trải qua 117 năm (tính từ khi ông qua đời cho đến nay), lịch sử nghiên cứu về Trương Vĩnh Ký đã đạt được những thành tựu nhất định. Ông được coi là tác gia tiên phong trên nhiều lĩnh vực trong đó có văn hoá, văn học. Tuy vậy, nhiều nhận định đánh giá về ông mới chỉ dừng ở mức sơ bộ, đại quan; thậm chí có những mảng còn bỏ trống.

Xuất sinh trong một gia đình công giáo, được đào tạo bài bản và có hệ thống trong các trường học Thiên chúa giáo, được đi thực tế ở khá nhiều nước trên thế giới và được coi là một trong những người tiếp xúc sớm nhất và sâu sắc nhất với văn minh phương Tây; song di sản trước tác của ông lại cho thấy ông rất chú trọng đến mảng văn hóa, văn học truyền thống của dân tộc. Không phải ngẫu nhiên mà *Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích* - ấn phẩm quốc ngữ đầu tiên ở

Việt Nam của Trương Vĩnh Ký xuất bản năm 1866 lại là một sưu tập truyện dân gian. Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Trung khi tìm hiểu sự nghiệp văn hoá của Trương Vĩnh Ký đã cho rằng: "...trong suốt cuộc đời làm văn hóa, ông chỉ tập trung vào một việc hầu như duy nhất: sưu tầm vốn văn hóa cũ Việt Nam mà một phần lớn đã thất tán, chỉ còn những mảnh vụn lớn nhỏ, rất đáng được lược, nhặt, chất chiu giữ gìn để mong sau này được phổ biến rộng rãi"⁽¹⁾. Vậy, tại sao Trương Vĩnh Ký lại quan tâm đến văn hóa, văn học truyền thống và ông đã có những đóng góp cụ thể gì? Tìm hiểu các văn hóa phẩm mà ông sưu tầm, biên khảo, biên dịch là con đường chúng tôi đi tìm lời giải đáp cho vấn đề nêu trên.

2. Qua thống kê, phân loại, chúng tôi xác định, trong lĩnh vực sưu tầm, biên soạn các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam, Trương Vĩnh Ký có các tập truyện là *Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích* (1866) (thường được gọi ngắn gọn là *Chuyện đời xưa*), *Chuyện khôi hài* (1881), *Uớc lược truyện tích*

► những biểu hiện của phong tục hôn nhân, nghi lễ trưởng thành cũng đã bị mờ nhạt, biến đổi. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật phản ánh hiện thực xã hội của truyện cổ tích. ■

Tài liệu tham khảo

1. Cao Huy Đình (2004), *Tuyển tập tác phẩm* (Từ Thị Cung sưu tầm, tuyển chọn), Nxb. Lao động và Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
2. Nguyễn Bích Hà (2005), "Mã và mã văn hoá", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 6
3. Nguyễn Thị Huệ (1996), *Nhân vật xấu xí mà tài ba trong truyện cổ tích các dân tộc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Viện Văn học.

4. Phan Trọng Thường... (2001), *Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam*. Nxb. Giáo dục
5. Đặng Văn Lung... (1997), *Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hoá dân tộc.
6. E.M. Mê-lê-chin-xky (1958), *Nhân vật trong truyện cổ tích hoang đường. Xuất xứ của hình tượng*, Nxb. Văn học Phương Đông, Mat-xcơ-va (Bản đánh máy của Viện văn học; Người dịch: Nguyễn Văn Dao, Phan Hồng Giang).
7. Propp, V.Ia (2003), *Tuyển tập V.Ia. Propp*, tập I, II, Nxb. Văn hóa dân tộc, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
8. Trần Quốc Vương (2003), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học.

TS. NGUYỄN THỊ NGỌC LAN
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

nước An Nam (1887) và *Sưu tầm ca dao tục ngữ...* Ngoài ra còn có những mảnh vụn văn học dân gian đăng trên *Thông loại khóa trình* và trong du kí *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi*. Ngoài trừ *Ước lược truyện tích nước An Nam* và *Sưu tầm ca dao tục ngữ* là những tài liệu chúng tôi còn đang tìm kiếm, những tư liệu kể trên sẽ là căn cứ chính cho các khảo sát của bài viết này.

Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích gồm 74 truyện do Trương Vĩnh Ký sưu tầm từ trong văn học dân gian và cũng có truyện do ông viết ra. Tập truyện bao gồm nhiều loại như truyện cổ tích (*Tích hang ông Từ Thúc, Trần Miên (Minh) Khố Chuối...*), truyện cười (*Mẹ chồng nàng dâu ăn vụng, Cha điếc, mẹ điếc, con điếc, rể điếc...*), truyện ngụ ngôn (*Con cóc với con chuột, Con chó với con gà...*), và có truyện chỉ là giai thoại được ghi lại (*Bài thơ cái lưỡi...*). Về tên gọi tác phẩm, cũng có nhiều "phiên bản" khác nhau. Theo Bằng Giang, có người gọi là *Chuyện đời xưa*, có người viết là *Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích*, lại có người chép *Chuyện đời xưa, nhón lấy những chuyện hay và có ích*, hay *Chuyện đời xưa, nhón lấy những chuyện hay và có ích*, *Chuyện đời xưa lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích*⁽²⁾...

Chuyện khôi hài cũng là tập truyện dạng sưu tầm và biên khảo của Trương Vĩnh Ký, bao gồm 38 truyện, trong đó có những truyện khá quen thuộc như *Chữ thiên trời đầu, Thơ hòa thượng...* Với *Chuyện khôi hài*, Trương Vĩnh Ký đã bổ sung cho tập *Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích*, góp cho văn học dân gian những mẫu chuyện hóm hỉnh, nhẹ nhàng. Tính khôi hài của tập truyện có khi thể hiện ngay ở tiêu đề (*Tú Suất lật váy quan bà, Thầy rờ, Chó có sừng...*), có lúc ở từ ngữ địa phương (*Bể cau, Hóc lưỡi búa, Nửa trự com nửa trự canh...*) nhưng cũng có khi nằm ẩn sau cốt truyện (*Thay kiện, Kháng khái, Dụng mưu làm thuốc...*).

Nhìn chung, hai tập truyện có tên gọi khác nhau nhưng ranh giới giữa chúng về nội dung có phần trùng hợp. Ở tập *Chuyện khôi hài* có những truyện tính gây cười ít, thậm chí không có (*Đổi được vợ, Câu đối có chí khí, Con học trò cứu thầy già Sáu...*). Trong khi đó, ở tập *Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích* lại không ít những truyện có tính chất gây cười (*Ông huyện thanh liêm cả đời, vì một lời nói mất đức thanh liêm; Ba anh đốt làm thợ, Thằng chồng khờ, Thằng khờ đi mua vịt...*).

Về cơ bản, các tác phẩm văn học dân gian được Trương Vĩnh Ký sưu tầm, biên khảo thể hiện rõ tính giáo huấn theo tinh thần đạo lí truyền thống Việt Nam. Chúng tôi đặc biệt chú ý đến nội dung của *Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích* (ấn phẩm quốc ngữ đầu tiên, 1866). Trước hết, tác phẩm có nội dung hướng đạo, có phần giống với Huỳnh Tịnh Của ở *Chuyện giải buồn*⁽³⁾ nhưng phương thức thể hiện là khác biệt⁽⁴⁾. Có thể nói, tập *Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích* đưa ra rất nhiều triết lí làm người và những lời bình của tác giả chính là những bài học thấm thía. Tuy cốt truyện đã có từ trong dân gian nhưng cách lựa chọn tuân theo tiêu chí cái "có ích" hướng đến việc bảo vệ nhân luân, cho thấy Trương Vĩnh Ký đã dùng lại một phương thức/quan niệm truyền thống: dùng văn để tải đạo, cảm hóa, giáo dục. Điều này đặc biệt quan trọng trong thời điểm chính sách nô dịch, đồng hóa của thực dân đang được thực thi ráo riết tại Nam Kỳ. Thêm nữa, lối hành văn mới mẻ của ông còn có ý nghĩa tích cực trong việc hình thành và trau dồi câu văn quốc ngữ thuở sơ khai.

Các tác phẩm trên lĩnh vực văn học dân gian được Trương Vĩnh Ký sưu tầm và biên khảo còn được lưu giữ khá nhiều ở *Thông loại khóa trình* - một tập san tư nhân do Trương Vĩnh Ký làm chủ bút. Bên cạnh thơ ca, về, trò chơi dân gian, câu hát, câu đối, câu đố, câu

nói chơi, nói ngược...; những truyện kể dân gian, như "Quan Âm truyện", "Tứ Thúc truyện"... cũng được Trương Vĩnh Ký sưu tầm, kể lại trên *Thông loại khóa trình*, góp phần lưu giữ kho tàng văn học dân gian nước nhà⁽⁵⁾. Có thể nói, đến Trương Vĩnh Ký, lần đầu tiên văn hóa dân gian đã được chú ý quan tâm và được văn bản hóa bằng chữ quốc ngữ.

Ngoài ra, nhiều phong tục tập quán, lễ hội, trò chơi, điệu hát của văn hóa dân tộc được ông miêu tả tỉ mỉ trong *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi* - du kí đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ. Đó là cách phục trang của người phụ nữ truyền thống:

"Đàn bà mặc áo có thắt lưng làm bệu (bọc), yếm đỏ, không gài nút nịt, nút vai thả không ra mà thôi, đầu đội nón giầu (ba tầm), lớn gần bằng cái nia, hai bên có hai quai tui vắt toòng teng, đầu vắt ngang lấy lượt nhiều vắt tóc mà khoanh vắt theo đầu (có một làng Kẻ Lòi có đàn bà quấn tóc); Dưới mặc váy, chân đi dép son;..."

Còn đây là nghệ thuật hát ca trù độc đáo của dân tộc: "Hát cũng khi ngồi khi đứng, tay nhịp sanh, miệng hát nhiều cung bậc giọng thấp giọng cao ngân nga hay và êm tai lắm; có chú kếp ngồi một bên gảy (khảy) cái đàn đáy, lại có người đánh trống nhỏ cầm chầu. Có khi lại đứng hát bộ lại và múa và hát. Có khách thì chủ đám lại bắt phải quỳnh [quỳnh]⁽⁶⁾ tương rượu. Tay bâng [bung] chén rượu, miệng hát câu chi, hoặc tình ái, hoặc nhân ngãi, để mời khách uống đi (Câu hát là giọng quỳnh, chén rượu là chén quỳnh tương), tích chén nước Vân Anh đưa Bùi Hàng uống..."

Giọng nhà trò thường là những giọng sau này: mẫu dựng, thiết nhạc, ngâm vọng, ti bà, tắt phản, hát nói, gởi thơ, huỳnh, hăm, cung bắc, cửa quyền, non mai, nuồng hạnh, chữ khi, thơ, thống⁽⁷⁾..."

Cách Trương Vĩnh Ký ghi chép tỉ mỉ, cụ thể đến từng chi tiết mà "văn thuật Việt Nam

khi xưa không có" còn đem lại cho người đọc những tri thức độc đáo về văn hóa dân gian ở các tỉnh phía Bắc. Nếu lễ hội thường được hình dung gắn liền với những nghi lễ trang nghiêm thì trò chơi tác tượng dưới ngòi bút của Trương tiên sinh mang thêm cả nét thôn dã, thô tục: "Tác tượng là bắt một cô đào nhan sắc có duyên đẹp để mặc áo lượt thưa rêu, quần lãnh buổi có người ngồi ra giữa giàn làm trên ao hồ. Trai lãnh chàng đục, đóng khố giấy ra đó, làm bộ đeo phàm, hễ giữ không được thì tâm hỏa động, dương vật dậy rách khố mất ăn; khi ấy đâm đầu xuống ao lặn đi cho đỡ xấu..."

Dường như bước chân của Trương Vĩnh Ký đi đến đâu, con người, phong tục, cảnh vật, và ít nhiều suy nghĩ/nhận xét được hiện ra trang giấy; và khối lượng ngôn từ quốc ngữ hóa cũng tăng tiến theo đến đó. Cũng trong chuyến đi Bắc Kỳ này, ông còn liệt kê các sản vật của đất Hà Nội xưa phong phú, đa dạng: "Cây hội (giấy viết sặc), các thứ giấy, quạt trúc, nón nan; gạch ngói, nôi đất (đồ gốm), trà, muối diêm, mặt ui, đường hạ; vôi, đá, bánh phục linh, trôi nước, xôi bông đường, bánh mì khoai, rượu trắng, khoai lang mộng, khoai sấp, khoai mài, khoai tím, khoai ngọt; củ sắn, củ đậu, củ nân, củ huỳnh tinh, xoài mít, nhãn, hồng thơm, hồng đỏ..."

Nhờ vậy, tác phẩm thực sự là những tư liệu quý báu cho các nhà khoa học khi sưu tầm nghiên cứu về văn hóa, ngôn ngữ và con người Việt Nam xưa. Điều này vượt ra ngoài mong muốn chủ quan của Trương Vĩnh Ký: "Tôi muốn cho đồng bào của tôi được biết xứ sở đã là cái nôi của giống nòi chúng tôi. Vị trí địa lí của xứ này, những phân chia về hành chánh, phong tục, sự giàu có về mỏ quặng, những sản xuất và kĩ nghệ của nó"⁽⁸⁾.

3. Bên cạnh việc sưu tầm, biên soạn các tác phẩm văn học dân gian, Trương Vĩnh Ký còn chú tâm đến việc phiên âm, chú giải các tác phẩm văn học viết bằng chữ Hán, Nôm ra chữ

quốc ngữ. Thống kê dựa trên nguồn tư liệu đáng tin cậy của Bằng Giang và Nguyễn Văn Hoàn, số lượng tác phẩm mà Trương Vĩnh Ký đã phiên khảo khá nhiều: *Poème Kim Vân Kiều truyện* (1875), *Đại Nam cuộc [quốc] sử diễn ca* (1875), *Huấn nữ ca* (1882), *Trương Lưu hầu phú* (1882), *Thơ mẹ dạy con* (1882), *Nữ tặc* (1882), *Thơ dạy làm dâu* (1882), *Con hiếu thảo* (1882), *Cổ Gia Định phong cảnh vịnh*. *Gia Định thất thủ Vịnh* (1882), *Kim Gia Định phong cảnh vịnh* (1882), *Bài hịch con qua* (1883), *Ca dạy con trai còn nhỏ* (1883), *Gia huấn ca* (1883), *Hàn nho phong vị phú* (Học trò khó phú) (1883), *Hịch Quân Định* (1883), *Ngư Tiều trường điệu* (1885), *Lục súc tranh công* (1887), *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (1887) (chưa xuất bản), *Lục Vân Tiên* (1889), *Phan Trần truyện* (1889)... Tất cả đều là văn vần và nội dung thiên về các bài học đạo lý. Tuy nhiên, số tác phẩm còn lại cho đến nay không đầy đủ. Hiện nay, chúng tôi cũng chỉ khảo sát được một phần nhỏ trong gia tài ông để lại.

Dễ thấy, *Gia Định phong cảnh vịnh* thật sự là một cuốn sách quý bởi nó lưu giữ lại nhiều thông tin và cảm xúc về Gia Định cổ xưa, nhất là các danh tích. Theo lời giới thiệu, Trương Vĩnh Ký nói *Cổ Gia Định phong cảnh vịnh* "không rõ là của ai làm" nhưng "có kẻ nói (...) của Ngô Nhơn Tịnh, ở ngụ xứ Trà Luộc, làm ra mà chơi..." và được làm theo cách "có đối đáp, song quan, cách cú, bạt tất⁽⁹⁾ đủ nói về địa cảnh Sài Gòn thửa trước Tây (Phú Lang Sa) chưa lấy, bắt nội Bến Thành, Chợ Sỏi vô tới Chợ Lớn, Chợ Gạo, Lò Gốm, Cây Gõ, Phú Lâm, Cầu Bông, Thị Nghè Gò Vấp, đường xá, xóm làng, nhà cửa, phố phường, chùa miếu, lại thú người trên bộ dưới thuyền đủ cả. Nói cho đến người Tây, Mô Rô, tàu bè các nước tới lui buôn bán thửa ấy nữa".

Như tiêu đề, đây là một bài thơ dài vịnh phong cảnh Gia Định trước đây:

Kho Cẩm Thảo chứa thuê vua

Mạch nước sữa dân ai dám đá.

Chùa Kim Chương làm tôi phật

Tương chua muối mặn sãi trường chai.

Trong làng Cây Gõ nhà bên ruộng cột

Ngoại chợ Cây Vông giậu cặm gốc gai...

Cổ Gia Định phong cảnh vịnh không chỉ nhắc tới Kho Cẩm Thảo, chợ Cây Vông, chùa Kim Chương, làng Cây Gõ... mà còn rất nhiều địa danh khác, và mỗi nơi đều được tô đậm đặc điểm riêng. Nhà sưu tập quan niệm: "Đặt văn đã hay mà kể lại tích cũ tên xưa cùng nêu dấu tích để truyền lại cho người đời sau nhớ". Như vậy, lí do để Trương Vĩnh Ký sưu tầm và chọn ghị lại tác phẩm này bởi "văn đã hay" lại có ý nghĩa lưu giữ di sản "kể lại tích cũ tên xưa" nên ông đã cho in ra nhằm "truyền lại cho đời sau nhớ".

Cũng với tinh thần ấy, ở *Kim Gia Định phong cảnh vịnh*, Trương Vĩnh Ký thấy: "Văn đặt thật tài tình, lời nói dễ hiểu" nên ông cho in "để người đời người ta coi, cùng để lại cho người đời sau cho biết đời nay đất này là như vậy, hoặc sau sẽ tốt hơn nữa chăng? Dầu cuộc đời còn có hóa nên vực, vực có hóa nên cồn đi nữa, thì cũng hãy còn tích lại mà nhắc".

Không có những ghi chép này hậu thế hẳn đã mất một cơ hội hình dung Gia Định xưa nhộn nhịp đến thế nào:

Dưới sông tàu lửa đậu liền,

Từ đồn Giao Khẩu sắp lên Bà Nghè.

Thông lưu các nước bọn bè,

Có tàu Đông Việt, có ghe Bắc Kì.

Bán buôn vật nọ hàng kia,

Lao xao thương khách xiết gì là đông.

(*Kim Gia Định phong cảnh vịnh*)

Rõ ràng, chùm tác phẩm tập trung về Gia Định này, nhờ công sưu tập của Trương Vĩnh Ký, sẽ còn mãi với thời gian vừa như một văn liệu, sử liệu vừa như một chứng tích văn hóa xã hội của địa phương này nói riêng, của Việt Nam đương thời nói chung.

4. Do những điều kiện đặc biệt của lịch sử, nhiều tác phẩm có tính giáo huấn từ Trung Quốc đã trở thành một phần quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt. Theo khảo sát của chúng tôi, các tác phẩm kinh điển Trung Hoa được Trương Vĩnh Ký biên dịch và giới thiệu là *Đại học*, *Trung dung*, *Mạnh thượng tập chí*, *Sơ học vấn tân*, *Minh tâm bửu giám*...

Là người được trưởng thành trong môi trường công giáo, được tiếp xúc, mở mang rất nhiều kiến thức về văn hóa phương Tây nhưng các tác phẩm mà ông lựa chọn để dịch sang chữ quốc ngữ lại chủ yếu là các tác phẩm có tính giáo huấn của Nho gia? Trong khi đó, cùng thời ông, dịch giả Huỳnh Tịnh Của; hay sau đó một chút, các dịch giả Nguyễn Chánh Sắt, Trần Phong Sắc, Nguyễn An Khương... thường lựa chọn dịch các sách Tàu có nội dung giải trí; hoặc các nhà Tây học như Nguyễn Văn Vĩnh, Đỗ Quang Đẩu, Nguyễn Ngọc Ẩn thì dịch các truyện phiêu lưu, du kí hoặc thơ Pháp. Liệu Trương Vĩnh Ký có tự mâu thuẫn chăng khi ông chọn dịch những tác phẩm đề cao tư tưởng Nho giáo giữa buổi Hán học đang suy, trong khi chính ông lại đang ráo riết truyền bá chữ quốc ngữ, cổ động cho một lối học mới nhằm canh tân đất nước theo hướng văn minh nhân loại? Thực tế, do nhận ra ưu thế hiển nhiên nhiều mặt của chữ quốc ngữ, Trương Vĩnh Ký đã nhanh chóng coi đây là công cụ đắc dụng trong việc đem lại diện mạo mới cho người dân Việt. Và với ông, *di sản đạo lý làm người mà cha ông để lại là thứ phải lưu giữ, còn tri thức thì không biện trong ngoài, mới cũ*. Cách ứng xử của ông trong việc lựa chọn sách vở dịch thuật, cũng như biên khảo/phiên khảo sang chữ quốc ngữ đã tỏ rõ sự can đảm "ở với họ mà không theo họ" của ông. Mang theo những giá trị truyền thống vào đời sống hiện đại, hiển nhiên Trương Vĩnh Ký đã đi ngược lại ý định cắt đứt Việt Nam với ảnh hưởng phương Đông lâu đời và truyền thống dân tộc của nhà cầm quyền.

Thay lời kết

Khối lượng trước tác biên khảo để lại cho thấy Trương Vĩnh Ký rất có ý thức về việc bảo tồn văn hóa cổ truyền của dân tộc. Trước nhiều đổi thay của thời đại, trong đó có nguy cơ bị đồng hóa/ mất gốc..., ông đã ra sức sưu tầm, văn bản hóa và giới thiệu các tác phẩm đủ loại, từ câu hát hay trò chơi con trẻ... Điều quan trọng hơn, ông đã dùng chữ quốc ngữ - hình thức văn tự mới mẻ để bảo lưu các giá trị cổ truyền. Trước Trương Vĩnh Ký, đã có một số tác giả làm công việc ghi chép, biên tập, biên soạn các tác phẩm cổ như truyện dân gian, truyện truyền kì, truyện thơ Nôm... để truyền lại cho đời sau như Lý Tế Xuyên với *Việt điện u linh*, Vũ Quỳnh - Kiều Phú với *Lĩnh Nam chích quái*, Nguyễn Dữ với *Truyện kì mạn lục*, Phạm Đình Hổ với *Vũ trung tùy bút*...; nhưng tất cả đều được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm. Với mục đích truyền bá chữ quốc ngữ, cộng với tấm lòng yêu văn hóa văn học dân tộc, Trương Vĩnh Ký đã không ngần ngại bỏ công sưu tầm, tập hợp các tác phẩm đủ loại và văn bản hóa nó để chuyển nó từ tác phẩm dùng để kể cho nhau nghe, thành truyện để đọc và có thể lưu giữ được lâu dài. Trương Vĩnh Ký chính là người đầu tiên làm công việc sưu tầm và biên khảo các tác phẩm văn học dân gian bằng chữ quốc ngữ, và *Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích* trở thành "tác phẩm văn xuôi Việt Nam đầu tiên bằng chữ quốc ngữ Latinh"⁽¹⁰⁾, và "đây là một công trình sưu tầm văn học dân gian đầu tiên của Việt Nam, viết bằng chữ quốc ngữ Latinh"⁽¹¹⁾. Ông cũng chính là người đầu tiên phiên âm *Truyện Kiều*, và là người Việt đầu tiên phiên âm *Lục Vân Tiên*, dịch *Minh tâm bửu giám*... bằng chữ quốc ngữ... Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử, văn hóa văn chương Việt Nam có *chân dung tương đối toàn diện, gồm cả di sản truyền khẩu và thành văn, kinh điển và sáng tác*.. Trước Trương Vĩnh Ký, nhìn chung các tác phẩm chủ yếu được truyền miệng... Đến Trương Vĩnh

Ký, ông đã bố cục lại, hành văn lại, trao cho nó một hình hài ổn định, dễ phổ cập. Điều quan trọng hơn, dùng chữ quốc ngữ để biên khảo, biên dịch, Trương Vĩnh Ký thành nhip cầu văn hóa văn chương giữa hai khu vực hai thế giới hai thời đại, và điều đó cũng có nghĩa ông đã vô thức khởi động những bước đi đầu tiên của công cuộc chuyển hình văn chương.

Về thực trạng bảo tồn nền văn học Việt Nam trong lịch sử, Lý Tử Tấn từng cho biết: "*Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến nay, có nhiều nhà thơ nổi tiếng với đời. Sau vì binh lửa, số còn lại chỉ được một vài trong hàng trăm hàng ngàn bài mà thôi*"⁽¹²⁾. Không chỉ là "binh lửa", còn rất nhiều lí do khác cho thấy việc bảo tồn di sản văn hóa văn học của cha ông chưa được chú trọng, trong đó phải kể đến âm mưu thâm độc nhằm xóa bỏ văn hóa một dân tộc của một số chính thể cầm quyền mà *Sắc chỉ* ngày 21 tháng 8 năm 1406 của Minh Thành Tổ là dẫn chứng tiêu biểu: "*Hết thấy mọi sách vở văn tự, cho đến những loại ca lí dân gian, hay sách dạy trẻ nhỏ, loại sách có câu thượng đại nhân, khuru ất kỉ... một mảnh, một chữ đều phải đốt hết. Khắp trong nước, phàm những bia do Trung Quốc dựng từ xưa đến nay thì đều giữ gìn cẩn thận, còn các bia do An Nam dựng thì phá hủy tất cả, một chữ chớ để còn*"⁽¹³⁾. Rõ ràng, vấn đề bảo tồn văn hóa văn học cổ truyền Việt Nam là một công việc không chỉ nhằm lưu giữ những "mảnh di văn" cụ thể mà còn thể hiện một tinh thần tự tôn, một sự kháng cự bền bỉ mang tính dân tộc bằng vũ khí tinh thần. Và đây là cuộc chạy tiếp sức của nhiều thế hệ.

Chú thích

- (1) Nguyễn Văn Trung (1993), *Trương Vĩnh Ký - Nhà văn hóa*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, tr. 132.
 (2) Bằng Giang (1993), *Sương mù trên tác phẩm Trương Vĩnh Ký*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 34.
 (3) Xét về tên gọi, *Chuyện giải buồn* của Huỳnh Tịnh Của gần với *Chuyện khôi hài* của Trương Vĩnh Ký

hơn bởi mục đích giải trí nhưng tính hài hước, gây cười trong *Chuyện giải buồn* là rất ít, nếu có cũng mờ nhạt. Thực ra *Chuyện giải buồn* gần với *Chuyện đời xưa*, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích hơn ở nội dung đạo đức.

(4) Huỳnh Tịnh Của biên soạn *Chuyện giải buồn* chủ yếu dựa vào cốt truyện có ở kho tàng văn học Trung Quốc (có 87/112 cốt truyện có nguồn gốc Trung Quốc), với các nhân vật, địa danh của Trung Quốc nhưng động lại nơi độc giả là những bài học đạo đức bình dị, quen thuộc: làm người chí khí ra sao, làm điều nghĩa thế nào, ác giả ác báo, ở hiền gặp lành... Cùng chung mục tiêu hướng đạo, Trương Vĩnh Ký lại lựa chọn những câu chuyện gần gũi với đời sống hằng ngày (tham ăn, thông minh, khờ khạo, lừa dối, may mắn, làm ơn mắc oán, hà tiện...), các mối quan hệ và các nhân vật quen thuộc (mẹ chồng - nàng dâu, chàng rể - cha vợ, học trò - thầy giáo, thầy thuốc, bạn bè, chú cháu, anh sợ vợ, vua tôi, con chồn, con cọp, con khỉ...) và đưa ra những lời bình cũng rất nôm na, dễ hiểu. Nếu *Chuyện giải buồn* vẫn dùng các yếu tố kì ảo như ma quái, thần, phật, luân hồi chuyển kiếp... thì các *Chuyện đời xưa* Trương Vĩnh Ký kể không hề còn yếu tố kì ảo nữa.

(5) Xem thêm Dương Thu Hằng (2009), "Thông loại khóa trình - chuyên san văn hóa, giáo dục đầu tiên ở Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 6, tr. 26 - 35.

(6) Tôn trọng tính lịch sử của văn bản, trong tất cả các trích dẫn chúng tôi giữ nguyên cách viết đương thời, nhưng với những tiếng ít thông dụng đến ngày nay, chúng tôi dùng dấu [] bên cạnh để thích nghĩa.

(7) Có thể do Trương Vĩnh Ký ghi chép cách đây khá lâu theo lối phát âm đương thời hoặc cũng có thể ông nghe chưa chuẩn giọng Bắc Kỳ nên có một số tiếng trong đoạn văn đã dẫn không đúng theo giới nghiên cứu ca trù hiện nay. Thí dụ: tắt phản ("bất phản" mới đúng), hùng ("huỳnh" mới đúng), thống ("thổng" mới đúng)...

(8) Bằng Giang (1993), sđd, tr. 157.

(9) "Hạc tất" mới đúng.

(10), (11) Nguyễn Thị Thanh Xuân (2000), "Văn học hiện đại Việt Nam, bước khởi đầu quan trọng ở Sài Gòn - Nam Bộ", *Tạp chí Văn học*, (3), tr. 35.

(12), (13) Nguyễn Minh Tấn chủ biên (1981), *Từ trong di sản*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, tr. 5 - 6.